

CON NGƯỜI NGUYỄN PHI KHANH QUA THƠ CA

Ngô Thị Phụng
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Nguyễn Phi Khanh là thân phụ của đại thi hào Nguyễn Trãi. Sống ở thời Trần, Nguyễn Phi Khanh là nhà thơ lớn, một con người tài cao phận thấp, thân thế long đong, một con người kiên nhẫn chờ thời, có niềm tin vào hiền thánh, nhưng rồi mộng vàng đổ vỡ. Nguyễn Phi Khanh mang nỗi đau thân phận, lỡ thời. Cuộc đời bi kịch của ông là sản phẩm của thời đại.

Từ khóa: Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, con người.

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Phi Khanh là thân phụ của nhà thơ lớn, nhà chính trị, quân sự ngoại giao đại tài Nguyễn Trãi. Từ nhiều thế kỷ, người yêu và say văn biết đến Nguyễn Trãi với tư cách là Danh nhân văn hóa thế giới, nhà thơ, nhà văn. Nghiên cứu thơ văn Nguyễn Trãi không thể không quan tâm đến cuộc đời con người, tiểu sử gia đình hay phả hệ.

Để làm rõ những vấn đề trên, với tư cách là người giảng dạy, chúng tôi cố gắng diễn đạt cụ thể hơn về thân phụ của Nguyễn Trãi - Trung thư thị lang Nguyễn Phi Khanh, với tham vọng góp thêm một tài liệu nhỏ cho sinh viên khi nghiên cứu về tác gia Nguyễn Trãi.

2. Nguyễn Phi Khanh và sự nghiệp thơ văn

2.1. Nguyễn Phi Khanh

Nguyễn Phi Khanh (1336 - 1408) (?) [1], tên ban đầu là Nguyễn Ứng Long, dòng dõi Định Quốc công Nguyễn Bặc, thời Đinh (968 - 979), quê gốc ở Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, tức Nga Sơn cũ, nay thuộc xã Hà Long, huyện Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Quê thứ hai ở Chi Ngại, nay là xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Quê thứ ba ở xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Từ Nguyễn Bặc đến Nguyễn Ứng Long là mười đời. Nguyễn Bặc đã có công phò tá Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan loạn Mười hai sứ quân, thống nhất nước nhà. Nguyễn Bặc mâu thuẫn với Lê Hoàn về việc lên ngôi thay nhà Đinh nên bị Lê Hoàn giết. Con Nguyễn Bặc là Nguyễn Đê vẫn được trọng dụng, cùng Lý Công Uẩn đều giữ chức Tả, Hữu Điện tiền chỉ huy sứ dưới thời Lê Đại Hành. Về sau, Nguyễn Đê phò tá Lý Công Uẩn lên ngôi.

Qua các triều đại, tổ tiên Nguyễn Ứng Long có nhiều người vinh hiển, là võ quan cao cấp hoặc tiến sĩ xuất thân. Ông nội của Nguyễn Ứng Long là Nguyễn Công Luật làm chức tướng quân thời Trần Phế Đế (1377 - 1387). Ba con trai của Nguyễn Công Luật là Nguyễn

Công Sách, Nguyễn Hồ và Nguyễn Minh Du đều là những người thông hiểu binh thư, binh pháp và giữ chức vụ quản quân trong ba đơn vị bảo vệ cung vua nhà Trần lúc bấy giờ.

Nguyễn Ứng Long là con trai thứ ba của Nguyễn Minh Du. Về các dòng thứ bên nội, Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên), là một trong những người đầu tiên có công dùng chữ Nôm trong sáng tác, vận dụng thơ Đường vào thơ quốc âm, làm thành thơ Hàn luật (luật thơ do Hàn Thuyên đặt ra) [2]. Như vậy, dòng họ Nguyễn Ứng Long là dòng họ có nhiều công lao đối với sự phát triển nền chính trị, văn hóa, văn học dân tộc.

Khi trưởng thành, Nguyễn Ứng Long theo nghiệp văn, được Chương Túc Hậu Trần Nguyên Đán, người quyền ngang Tể tướng, chọn làm Kiểm chính dạy cho con gái của ông là Trần Thị Thái. Nguyễn Ứng Long sau đó trở thành rể của Trần Nguyên Đán. Nguyễn Phi Khanh và Trần Thị Thái có 3 người con trai là Nguyễn Tác, Nguyễn Trãi, Nguyễn Hùng. Nguyễn Trãi là con thứ.

Đến năm Long Khánh thứ hai (1374), đời Trần Duệ Tông, Ứng Long đỗ Nhị giáp Tiến sĩ (chứ không phải Bảng nhãn như nhiều tài liệu ghi nhầm), tại cung Trùng Quang ở Sơn Nam hạ (Thiên Trường - Nam Định). Tuy đỗ đạt nhưng Nguyễn Ứng Long không được bổ dụng vì phía quý tộc nhà Trần, do quy ước của dòng họ, e ngại Ứng Long khác họ, thêm vào đó, sợ vai vế về hàng quan văn của dòng họ Nguyễn mạnh thêm. Sau khi đỗ đạt, Ứng Long đành trở về với nghề dạy học. Cho đến khi Hồ Quý Ly tiếm ngôi nhà Trần, vua mới tuyển dụng ông làm chức quan nhỏ là thuộc viên ở Trung thư sảnh, cơ quan chuyên trách dự thảo các văn kiện của triều đình. Năm 1402, Ứng Long (lúc đó đổi tên thành Nguyễn Phi Khanh) được bổ nhiệm làm học sĩ ở Viện hàn lâm, kiêm Tư nghiệp trường Quốc tử giám, ít lâu sau được thăng chức Trung thư thị lang, tức chức thứ hai, phụ tá cho chức Trung thư sảnh, nơi đã làm thuộc viên trước đó, với hàm tứ phẩm triều đình. Tại Quốc Tử Giám, ông có tham gia giảng dạy cho Thái tử.

Tuy vậy, đường hoan lộ ngắn chẳng tày gang, nhà Hồ chỉ tồn tại đến năm 1406. Quân Minh viện cớ phù Trần, diệt Hồ lỗi đạo, đã kéo 215.000 quân ồ ạt sang nước ta. Sử sách cho rằng, Nguyễn Phi Khanh có tham gia chiến tranh Đại Ngu - Minh sau đó đầu hàng giặc và bị giải về Trung Quốc. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển IX ghi: “Còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mãn đều đã đầu hàng từ trước” [3]. Rất có thể vì sai lầm này nên thơ văn của ông ít người nhắc đến. Thêm vào đó, năm 1442, vì thảm án tru di Lê Chi Viên của con trai ông là Nguyễn Trãi nên đời tư lẫn thơ văn của ông không được quan tâm nhiều. Mặc dù vậy, đọc thơ văn ông, chúng tôi nhận ra một chân dung khác hoàn bị, đáng trọng và đáng thương.

2.2. Sự nghiệp thơ văn

Nguyễn Phi Khanh còn để lại khoảng 70 bài thơ bằng chữ Hán, được Lê Quý Đôn chép trong *Toàn Việt thi lục*. Ngoài ra, còn có bài phú *Diệp mã nhi* và bài kí *Thanh hư động* được Dương Bá Cung tập hợp trong cuốn *Ức Trai di tập*.

Thơ ông được sáng tác từ thời trẻ cho đến khi thi Hội, lúc làm thuộc viên ở tòa Trung thư và về già. Nội dung thơ ca viết về sự cảm thán thời thế, mục đích để tặng, họa, nhất là tặng nhạc phụ Trần Nguyên Đán và bạn bè.

Ở bài viết này, chúng tôi sử dụng cuốn *Thơ văn Nguyễn Phi Khanh* [4], do Bùi Văn Nguyên, Đào Phương Bình chọn dịch, chú thích, Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1981 để khảo sát. Cuốn sách được tuyển soạn dựa trên văn bản của Lê Quý Đôn và Dương Bá Cung. Tất cả các trích dẫn dưới đây về thơ Nguyễn Phi Khanh đều căn cứ vào tài liệu này. Từ văn bản này, chúng tôi lần lượt đi tìm hiểu con người Nguyễn Phi Khanh.

3. Con người cá nhân Nguyễn Phi Khanh

Khi sáng tác thơ ca, Nguyễn Phi Khanh giống như bao nhà thơ nhà văn khác, cố gắng đạt đến cái *vô ngã, phi ngã*, có nghĩa là không đề cập đến chuyện cá nhân. Thực chất, vấn đề *ngã* hay *vô ngã, phi ngã* trước hết là vấn đề của cuộc sống con người và quan niệm của con người về cuộc sống. Cái *phi ngã* còn có nguồn gốc từ tư tưởng *phi ngã, vô ngã* trong học thuyết Nho giáo. Nho giáo chủ trương *khắc kỷ phục lễ* (thắng mình (cái tôi) để phục Lễ), tôn thờ *Tử tuyệt tú: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*. Trong đó, *vô ý* là chỉ theo lẽ phải, không để ý riêng mình vào và *vô ngã* là điều cốt yếu nhất của *Tử tuyệt tú*: “Ngã” là “mình, ta” làm gì mà vì chữ *ngã* sẽ dẫn đến sai lầm [5].

Là một nho sĩ đỗ đạt ở triều Trần làm quan triều Hồ, Nguyễn Phi Khanh cũng thấu hiểu đạo lý của Khổng sơn Trình. Tuy vậy, đọc thơ Nguyễn Phi Khanh vấn đề cá nhân dường như hiển thị rất rõ rệt, mặc dù, thơ văn ông trong buổi loạn lạc kháng Minh (thế kỷ XV) chiến tranh và thời đại phủ lên một lớp sương mù thời gian. Thêm vào đó, đời tư của Nguyễn Phi Khanh còn nhiều điều chưa rõ, lại từng bị lịch sử coi là người đã ra hàng quân Minh nên không được quan tâm đúng mức. Đọc thơ Nguyễn Phi Khanh, độc giả có thể hình dung về con người ông một số nét sau:

3.1. Con người tài cao phận thấp

Hàn lâm học sĩ nhà Hồ, Nguyễn Phi Khanh có một cuộc đời nhiều ngã rẽ. Thời trẻ, ông lận đận trong việc thi cử, cho nên ông “ân hận chưa có duyên tới cửa rồng”. Khi trở thành Kiểm chính dạy cho con gái Chương túc hầu Trần Nguyên Đán, nợ công danh vẫn chưa trọn. Kiên trì theo con đường khoa hoạn, đỗ Nhị giáp tiến sĩ đời Trần Duệ Tông, Nguyễn Phi Khanh vẫn không được bổ dụng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên ghi rõ: “Chức tể tướng thì chọn trong tôn thất, người nào tài giỏi, có đạo đức nghệ thuật, thông hiểu thi thư thì cho làm” [6]. Bản thân Nguyễn Phi Khanh là người không đồng tộc, do vậy “bèn bỏ Nguyễn Ứng Long không cất nhắc” [7]. Có thể nói rằng, cuộc đời Nguyễn Phi Khanh khi trẻ là bức tranh phản chiếu xã hội thời Trần những năm cuối cùng, khoảng thời gian lớp sơn son thiếp vàng đã lần hồi bong tróc. Những biến động cuộc đời ông là bức tranh xã hội thu nhỏ, tiên liệu sự sụp đổ của triều Trần đang đến gần. Trong đó, cái rõ rệt nhất là việc tuyển dụng nhân tài đồng tộc, dẫn đến tài năng trong trăm họ chỉ có danh mà không có phận, đỗ đạt mà chẳng để làm gì, khiến không ít nhân tài không được trọng dụng rơi vào bất mãn. Đây là nỗi đau của Nguyễn Phi Khanh, bởi ông là nhà nho chính thống có hoài bão, muốn đưa sức mình ra giúp dân giúp nước. Khi vừa được xướng tên tại phủ Thiên Trường, ông đã có những dự cảm không lành về con đường hoạn lộ của mình. Cái cong vênh giữa thời với người và tài cao phận thấp

đem lại những cay đắng cho bậc trí giả. Chỉ còn lại người bạn văn chương lúc đêm về, khoảnh khắc được sống cho mình, ông đem cuộc đời mình tâm sự cùng thơ và bộc lộ những nỗi đau riêng tư:

*Vạn sự bội nhân tiêu tiệm vĩnh,
Trữ sầu khi ngộ, số tàn canh!... (Thu trung bệnh)*
(Muôn sự trái đời đều chậm rãi,
Ngậm sầu trần trở, đếm tàn canh!) (*Ôm mùa thu*)

Sau lần thi đỗ, bạn bè của Nguyễn Phi Khanh được cử vào một số chức vụ quan trọng, còn ông thì vẫn không được giao giữ chức vụ gì. Tiễn bạn lên đường, vui mừng cho bạn mà rầu lòng cho mình:

Ngã độc hồ ví sánh thuộc lưu! (Tống Hạnh nhân Đỗ Tông Chu)
(Sánh thuộc riêng mình vẫn đứng yên) (*Tiến Hạnh nhân Đỗ Tông Chu*)

Nguyễn Phi Khanh cũng được an ủi đôi phần khi tài năng của mình được chính quan tư đồ Trần Nguyên Đán là nhạc phụ công nhận. Nguyễn Phi Khanh rất biết ơn người cha quyền ngang tể tướng này. Trong bài thơ họa lại nguyên văn bài thơ Trần Nguyên Đán gửi người bạn đồng môn của con rể, ở đoạn kết, ông viết:

*Hiền tướng thẳng lân môn hạ sĩ
Khẳng dung quân tác bạch đầu lang*
(Hiền tướng (chỉ Trần Nguyên Đán) ví thương người dưới tướng,
Bạch đầu đành vậy, tiểu quan trường).

Người như Nguyễn Phi Khanh có tài mà không được trọng dụng, buộc phải làm một chức quan nhỏ thường được người xưa mệnh danh là “quan lang bạch đầu”. Đây không chỉ là hiện tượng của riêng thời cuối Trần, mà thực chất là hiện tượng dễ gặp ở bất cứ triều đại nào lúc xế chiều. Thực trạng tài cao phận thấp rất phổ biến trong tầng lớp nho sỹ phong kiến, dẫn đến *sự khủng hoảng về lý tưởng* - “chí nam nhi”. Giáo lý phong kiến đã vạch rõ con đường tu tề, trị bình cho nho sỹ để thực hiện mục đích: “thượng trí quân, hạ trạch dân” (trên giúp vua tới tột cùng, dưới ban ơn cho dân), tạo nên chủ nghĩa anh hùng tiến bộ. Rơi vào cảnh huống tài cao phận thấp, hầu hết các danh sỹ đều mang tâm trạng bẽ tắc. Họ gửi vào văn chương tâm trạng khủng hoảng về đường hoan lộ, trường hợp Nguyễn Du là một minh chứng tiêu biểu. Bản thân Nguyễn Du, ở cuối thế kỷ XVIII, cũng đã thốt lên rằng:

*Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên
Xuân lan thu các thành hư sự
Hạ thủ, đông hàn, đoạt thiếu niên (Tạp thi)*
(Người tráng sĩ bạc đầu đau xót ngẩng nhìn trời (trạng thái tuyệt vọng)
Hoài bão cao xa, sinh kế hàng ngày đều cùng mù mịt,
Cái thú hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu ngày càng hã huyền

Cái oi bức của mùa hè, sự giá rét của mùa đông làm tiêu tan chí khí của tuổi trẻ) [8]. Tâm trạng bẽ tắc đó cũng được Lê Hữu Trác thổ lộ trong bài *Thuật hoài*:

*Nhập tâm khí bất khả
Quy Hán diệc vị hoàng*

Hồ Hải không phiêu lãng
Tráng tâm thành đại cuồng
(Tìm đường về Hán chưa xong
Sang Tần thì việc đã không nên rồi
Bể Hồ trôi dạt đôi nơi,
Cho người chí tráng ra người cuồng ngông) [9]

3.2. *Kiên nhẫn chờ thời và niềm tin vào hiền thánh*

Trong xã hội phong kiến tập quyền, khi nhà vua đã quyết, đương nhiên bậc tôi trung không thể trái lời. Không được làm quan, Nguyễn Ứng Long đành trở về với nghề dạy học. Cách hành xử của vua Trần Duệ Tông ban đầu chưa khiến Nguyễn Phi Khanh chán nản, ông chỉ buồn mà “chậm rãi” chờ đợi. Bên bến Hoàng Giang, Lý Nhân, Hà Nam, ông thú nhận đã chờ đợi một mối tình duyên nợ công danh suốt mười năm mà chưa bén. Mười năm tâm sự với ngọn đèn đêm khuya, trong mưa đêm trên sông Hoàng Giang, ông viết:

Liễu phố tam thu vũ
Quan bông bán dạ thanh.
Có dăng minh hựu diệt,
Hồ hải thập niên tình.
(*Hoàng Giang dạ vũ*)
(Mưa thu rả rích bên sông,
Tiếng rơi thánh thót mái bông đêm khuya
Ánh đèn mờ tỏ canh tà,
Tám lòng hồ hải chốc đã mười năm)
(*Đêm mưa bên bến Hoàng Giang*)

Có lúc vì chờ đợi, rơi vào bệnh tật, Nguyễn Phi Khanh tưởng như nỗi buồn đang giết chết mình. Buồn sâu nhưng không xuất hiện những suy nghĩ mang tính trách cứ vua chúa. Là nho sĩ chính thống, ông hiểu rõ đạo lý quân thần.

Hồ hải tứ niên đa bệnh tật
Biển chu sâu sát vị quy nhân (Thiên Trường chu trung)
(Trải bốn năm hồ hải nay có nhiều tật bệnh,
Trên chiếc thuyền con, sâu như giết chết kẻ chưa được về)
(*Trong thuyền ở phủ Thiên Trường*)

Nguyễn Phi Khanh chủ yếu làm thơ trên thuyền hoặc bên bến sông. Dường như cuộc đời ông như một dòng sông vậy, phù du vô định, nó mãi miết chảy trong hạn hẹp và bức bối, lặng thinh của đôi bờ. Những giới hạn chật hẹp giam hãm, con người không có cơ hội bộc lộ tài năng, con người không thể ra biển lớn. Dòng sông là cuộc sống riêng tư làm cho con người hiểu hết được sự thâm trầm của chính mình.

Mười năm trôi qua, rồi hai mươi năm kiên nhẫn chờ đợi, Nguyễn Phi Khanh vẫn không một lần oán trách vua. Chưa được trọng dụng, ông cho rằng đó không phải là hành vi xã hội mà là hành vi cá nhân. Việc chờ đợi là tất yếu của kẻ sĩ, là điều kiện thử thách thỏa mãn tiềm năng của cá nhân. Ông nhận mình là kẻ “thiếu cái duyên”:

Kinh quốc huê thư nhị thập niên
Đặng long mỗi hận khiếm tiền duyên!
(Thương hồ Thừa chỉ Hồ Tông Thốc)
(Mang cặp sách ở chốn kinh kỳ hai chục năm nay
Thường hận thiếu cái duyên may được lên cửa rồng).
(*Dâng quan Thừa chỉ Hồ Tông Thốc*)

Tiên trách kỷ, hậu trách nhân. Trách mình mà không trách người, đó là chuyện của một nhân cách cao cả, vị tha. Lập chí phải chờ thời. Nho sĩ xưa thường đặt ngang hàng việc học với việc lập chí. Lập chí chính là mục đích học tập. Nho sĩ thường được chú ý bởi tinh thần khổ luyện, thái độ kiên trì học tập. Việc học là chuyện khởi đầu cho việc thể hiện chí: “Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tông tâm sở dục, bát du cử” (Năm mươi lăm tuổi ta đã lập chí học tập, ba mươi tuổi tương đối vững vàng, bốn mươi tuổi không đến nỗi bị mê hoặc, năm mươi tuổi hiểu được mệnh trời, sáu mươi tuổi có thể dễ dàng phân biệt đúng sai, thật giả, bảy mươi tuổi có thể tùy theo ý muốn không bao giờ vượt quá quy củ” [10]. Nguyễn Phi Khanh tiếp tục dùi mài kinh sử để hoàn thiện mình. Ông tin bản thân, không nghi ngờ bản thân, sẽ có một ngày được đến “cửa rồng”. Đây cũng là niềm tin của đa số nho sĩ trong buổi đầu, lúc xã hội phong kiến còn đang dốc sức khẳng định vị trí của đẳng cấp quý tộc.

Chưa có cơ hội tỏ bày bản thân, ông gửi niềm tin vào trong mộng. Thơ Nguyễn Phi Khanh viết nhiều về mộng: *Đông Ngạn xuân mộng, Thao giang quận xá, Thiên Trường chu trung, Sơn trung, Nhật thu khởi hiệu...* Mộng là thế giới vô thức giải tỏa, thỏa mãn ước vọng. Nói cách khác, mộng là cái thực bị dồn nén nhưng không có cơ hội trong cuộc sống hàng ngày. Giác mộng ở trong thuyền tại phủ Thiên Trường có hình ảnh “bóng chim hoa nơi gác tía” của tương lai. Đôi khi Nguyễn Phi Khanh tự ru mình, phải biết chờ thời, đợi thời. Khổng Tử có dạy: “Ham thích học tập sẽ tiếp cận với trí tuệ, nỗ lực hành thiện sẽ tiếp cận với nhân ái, biết rõ liêm sỉ sẽ tiếp cận với dũng cảm” [11]. Lý do ông tự biện để ru mình là tuổi còn trẻ, trải nghiệm chưa nhiều nên cơ hội chưa đến với mình, trước tu thân, sau tề gia:

Tài thức như quân thượng thiếu niên
Văn chương ta ngã lão vô duyên.
(*Du Đông Đình họa Nhị Khê nguyên vận*)
(Anh là người tài trí mà hầy còn trẻ
Văn chương của ta đáng buồn mãi mãi vô duyên)
(Đến chơi Đông Đình họa bài thơ của Nguyễn Nhị Khê)
Nguyễn Phi Khanh tin vào bản thân mình:
Sinh thế na kham tiện trượng phu
... Minh thời thắng hiệu hào phân bố,
Vạn lý ninh từ ngã bộc phô” (Khách lộ)
(Kẻ trượng phu ở đời sao chịu sống đời hèn nhất được?
... Ví chăng ta cố gắng giúp ích chút nào cho đời thịnh này
Thì dù gian lao muôn dặm, người tiểu đồng ta có một phò ta cũng không từ nan)
(*Đường khách*)

Đây là điểm gặp gỡ giữa tư tưởng Nho giáo và tư tưởng Đạo giáo trong thơ Nguyễn Phi Khanh. Trong học thuyết Đạo gia, Lão Tử từng quan niệm: “Phi dĩ kì vô tư đa? Cố năng thành kì tư” (Phải chăng vì không riêng tư mà thành việc riêng tư). Giúp đời là giúp mình thỏa chí. Lão Tử cũng viết: “Ký dĩ vi nhân, ký dĩ hữu, ký dĩ dữ nhân, ký dĩ đa” (Càng vì người mình càng thêm có, càng cho người mình càng thêm nhiều) [12]. Giúp ích cho đời thịnh là nhân cách đáng quý của Nguyễn Phi Khanh. Do đó, dẫu nhiều ly biệt, thương hải tang điền, bậc trượng phu luôn phải giữ gìn ý chí chiến đấu, lạc quan yêu đời:

*Trượng phu tổng biệt hà thu lệ?
Nhất tiếu tương khan phủ khoái hầu!*
(Tổng Hạnh nhân Đỗ Tông Chu)
(Trượng phu há lại buồn ly biệt?
Vỗ vò gương cười nở lá gan)

Với bạn bè, ông cũng khuyên cần phải tích cực đưa tài chí ra giúp dân, giúp nước:

*An cần biệt hậu tu tiên sách
Thánh chủ phương kim chính cấp hiền.*
(Dữ Trương giang đồng niên Trương Thái học)
(Biệt nhau hãy thét roi mình ngựa,
Thánh chúa cầu hiền chính thiết tha)

Chính vì kiên nhẫn chờ thời nên khi giặc Minh sang xâm lược bờ cõi, thấy thế giặc mạnh, Nguyễn Phi Khanh chọn nước cờ lùi một bước, tiến hai bước, ông cùng một số sĩ phu hàng giặc. Hàng giặc không phải để ôn thân, giữ thân, nhàn thân, mà là chuyện đường cùng chẳng đã. Hàng giặc không phải là bán nước mà để chờ thời. Một bằng chứng là khi bị bắt đưa về Trung Hoa, Nguyễn Trãi tiễn cha đến ải Đông Quan, Nguyễn Phi Khanh đã ép con trai phải quay về và dặn dò: “... Con nên về quyết chí rửa thẹn cho nước, trả thù cho cha, nối chí cha, làm vẻ vang tổ tiên, như vậy mới là đại hiếu. Hà tất, cứ lẻo đẻo theo cha, mới là đại hiếu sao?” [10, 9]. Nếu hàng giặc để giữ thân, phản nước, ắt hẳn Nguyễn Phi Khanh sẽ không khuyên con như vậy, và đương nhiên, cuộc kháng chiến chống Minh không thể có một nhà quân sự lỗi lạc Nguyễn Trãi. Dù lịch sử có nhìn Nguyễn Phi Khanh bằng con mắt khác thì con người đó vẫn giống như “chim Việt chỉ đậu cành Nam”, “ngựa Tiêu Sương chẳng màng ăn cỏ Tống”.

Chờ đợi không nản lòng, ông có niềm tin vào ngày mai và mơ ước có một hiền thánh để thế gian được vui hưởng thái bình:

Hát múa trong gió xuân,
Tắm gội trong hòa khí,
Yên vui, thực sự yên vui
Thỏa chí, thực sự thỏa chí,
Kẻ kỹ thuật phô diễn tài năng
Người trí thức tỏ bày chước quý (*Phú con ngựa lá*)

Mong ước có được hiền thánh vừa cho dân, lại vừa cho những kẻ sĩ như mình, trước sau Nguyễn Phi Khanh vẫn là con người kiên nhẫn “dám sống, biết chịu đựng, dám chịu đựng, sống và biết chịu đựng vì dân, vì nước” [12].

3.3. *Mộng vàng đổ vỡ*

Bước qua thời tráng niên, Nguyễn Phi Khanh có những lời trải bày khác về mình. Ông không tự cho mình là người có học vấn nữa. Nguyễn Phi Khanh bắt đầu có những cảm nhận đặc biệt về thế thời, ông không dành nhiều thời gian cho những thú vui tao nhã, những chuyến ngao du sơn thủy mà trăn trở lo lắng về chính sự, nhận chân giá trị trong tương quan hiện thực. Ông tìm đến câu trả lời: Ta là ai? Câu trả lời không phải là cái tôi vĩ đại mà là cái tôi khiêm tốn. Phản biện xã hội, nhưng đó cũng chính là sự phản biện cá nhân mình, chiêu tuyết cho con người non trẻ thời thanh xuân giàu khát vọng. Niềm tin đã dẫn bị bào mòn bởi nhãn tiền: dân chúng đói cơm thiếu áo, ngược lại kẻ giàu sang thì vàng ngọc chất như núi cao. Bài *Hồng Châu kiếm chính (...) dĩ tặng*, ông viết:

*Vạn tính ngao ngao đãi bộ cầu
Thùy gia kim ngọc á cao khâu!
(Muôn dân cơm áo chực nhao nhao,
Vàng ngọc nhà ai sánh núi cao.)
(Ngày thu lưu biệt Kiếm chính Hồng Châu)*

Hiền thánh chỉ tồn tại trong sách vở, ông rơi vào trạng thái vỡ mộng. Thu không ngủ được, đêm dài dằng dặc, nguyên do là muôn sự trái ngang đang đi qua trước mặt, mà canh thì đã tàn. Muốn cống hiến mà bất lực. Nhà thơ tìm mùa thu để tâm sự. Nguyễn Phi Khanh đã sáng tác cả một hệ thống nói về mùa thu với tất cả tâm tình của mình: *Thu dạ, Trung thu ngoạn nguyệt hữu hòa, Thu trung bệnh, Trung thu hữu cảm, Mộ thu, Thu nhật khiển hứng, Thu thành vãn vọng...* Với vòng đời tuổi tác, thu là quãng thời gian để chiêm nghiệm. Thu là lúc con người bắt đầu bên kia đỉnh dốc. Thu là khi được mắt đã rạch rời. Mùa thu trong thơ Nguyễn Phi Khanh rất đẹp, nhưng ông buồn việc đời, rồi đốt trầm, tựa gối, ngồi nghĩ miên man, xem lá rụng, nhìn chim bay:

*Khách hoài ửng chằm khi miên hậu,
Tâm sự phần hương ngọt tọa trung,
Đình ngoại tảo sầu khan lạc diệp,
Thiên biên sái lệ số chinh hồng...
(Thu nhật hiếu khởi hữu cảm)
(Bâng khuâng ôm gối triền miên khách,
Thơ thần, chằm hương não ruột lòng!
Sân trước quét sầu, nhìn lá rụng,
Trời xa, nhỏ lệ đếm chim hồng...)
(Cảm xúc ngày thu dậy sớm)*

Khối sầu này, ở thế kỷ XIX, Nguyễn Khuyến cũng giống như Nguyễn Phi Khanh. Trong *Chùm thơ thu*, Nguyễn Khuyến cũng “tựa gối ôm cần”, câu được một bầu tâm sự chứa chan, đau đời và bế tắc. Dường như đến đây, cả hai nhà thơ đều nhận ra sự bất lực của bản thân mình và con người không thể thoát khỏi sự bủa vây của hoàn cảnh, là nạn nhân của hoàn cảnh.

Nguyễn Phi Khanh tiếc cho những tháng năm hão huyền, sống hoài, sống phí.

Ngâm hứng tứ thời du dị cảm

*Nhân sinh vạn sự lão kham liên
Binh qua hưởng phục điều tàn hậu
Dao vọng tình môn nhất khái nhiên!*

(Thu thành vãn vọng)

Bốn mùa làm thơ thì mùa thu dễ gợi cảm nhất
Đời người muôn việc tới tuổi già thật đáng thương?
Hưởng chi gặp cảnh điều tàn sau cơn binh hỏa,
Mỗi lúc trông vòm trời trong xanh mà luống ngậm ngùi.

(Trên thành ngắm cảnh chiều thu)

Về già, thái độ kiên nhẫn đợi thời, chờ thời, nợ công danh dường như biến mất. Nguyễn Phi Khanh tìm cách trốn đời bằng lối sống ẩn dật, vui thú làng quê. Ông tuyên bố:

*Thân ngoại phù danh phó trọc giao,
Vạn sự vô doanh tâm tự khả.*

(Thôn cư)

Thây kệ danh suông độc cạm bâu,
Muôn việc chẳng màng, lòng nhẹ nhõm.

(Ở trong xóm)

Trốn đời, ẩn dật không phải là lựa chọn ban đầu của nhà nho chính thống xưa nay thường làm. Đây chỉ là con đường bản cùng của nhà nho lỗi thời Nguyễn Phi Khanh - một con người lỡ thời nhưng ưu thời mẫn thế, một con người đáng thương trong trò chơi số phận. Đó là nhân cách đáng trân trọng và thương cảm, nhân cách của Hàn lâm học sĩ với cuộc bể dâu bất khả kháng.

4. Kết luận

Từ những kiến giải trên, chúng tôi nhận thấy Nguyễn Phi Khanh là nhà thơ lớn, có tâm, có tài nhưng cuộc đời gặp nhiều gian truân, nhất là khi bước vào con đường hoạn lộ. Mặc dù đỗ Nhị giáp Tiến sĩ - danh vị xưa nay hiếm, nhưng dưới thời nhà Trần, do gặp phải những nghi kị của dòng họ nắm quyền, Nguyễn Phi Khanh trở thành một trí thức không danh phận. Với phẩm chất nho sinh, ông dành nhiều năm để kiên nhẫn chờ thời, rùi mài kinh sử, tâm đức, mong có ngày “phò nghiêng đỡ lệch”. Ông luôn nuôi trồng một niềm hy vọng sâu nặng vào đức trị của hiền thánh và không oán hận quân vương.

Mười năm rồi hai mươi năm đợi chờ nhưng rồi mộng vàng đổ vỡ, Nguyễn Phi Khanh trở thành một con người muốn trốn đời, ẩn dật. Công danh suốt kiếp mỗi mòn vương nợ, theo đuổi, cuối đời chẳng khác nào “ném đá ao bèo”. Mặc dù vậy, cái cao cả trong nhân cách của ông nằm ở chỗ không một lời oán thán, chỉ trách mình, không trách người. Do đó, tư tưởng của Nguyễn Phi Khanh khiến người đời sau trân trọng, yêu mến, thương cảm, ngậm ngùi xót xa và phản biện một chân lý cay đắng: cho hay muôn sự tại nhân chứ không phải tại thiên.

Nguyễn Trãi là người con trai kiệt xuất của Nguyễn Phi Khanh. Thấu hiểu nỗi lòng cha, Nguyễn Trãi đã thay cha để “Kinh bang hoá quốc”. Nguyễn Trãi đã hoàn nguyên giấc mơ của cha. Cũng may là thời thế kịp đổi dời, Nguyễn Trãi làm quan nhà Lê mà không phải là nhà Trần như cha mình. Vì vậy, tìm hiểu con người Nguyễn Phi Khanh qua thơ văn là một

nhiệm vụ quan trọng góp phần tường minh cuộc đời, gia thế, căn nguyên con người Nguyễn Trãi.

Rõ ràng, con người Nguyễn Phi Khanh là sản phẩm của thời đại nhà Trần. Hiểu và cảm thông với những việc học sĩ đã làm là chuyện nên có ở đời sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Thơ văn Nguyễn Phi Khanh*, Bùi Văn Nguyên, Đào Phương Bình (chọn dịch, chú thích), Bùi Văn Nguyên (giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 5.
- [2] Nguyễn Đăng Na (chủ biên) (2006), *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.105.
- [3] <https:// Wikipedia.org>, truy cập ngày 7/9/2017.
- [4] *Thơ văn Nguyễn Phi Khanh*, Bùi Văn Nguyên, Đào Phương Bình (chọn dịch, chú thích), Bùi Văn Nguyên (giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 1981.
- [5] *Nguyễn Đình Chú tuyển tập*, Nguyễn Công Lý giới thiệu tuyển chọn, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr. 189 - 190.
- [6] Ngô Sĩ Liên (1971), *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 21.
- [7] *Thơ văn Nguyễn Phi Khanh*, Bùi Văn Nguyên, Đào Phương Bình (chọn dịch, chú thích), Bùi Văn Nguyên (giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 7.
- [8] *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Lê Thuộc, Trương Chính (sưu tầm, chú thích, phiên dịch sắp xếp), Nxb Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 113.
- [9] Lê Hữu Trác, *Thượng kinh ký sự - Lan Trì kiến văn lục*, Bùi Hạnh Cẩn, Trần Nghĩa (dịch, chú thích, giới thiệu), Nxb Văn học, 2008, tr. 119.
- [10] Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh (sưu tầm và biên dịch) (2011), *Khổng Tử với luận ngữ*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 33.
- [11] Dương Thu Ái, Nguyễn Kim Hanh (sưu tầm và biên dịch) (2011), *Khổng Tử với luận ngữ*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 396.
- [12] Nhiều tác giả (2000), *Đạo gia và văn hóa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr 23.

THE PERSON OF NGUYEN PHI KHANH THROUGH POETRY

Ngo Thi Phuong

Tay Bac University

Abstract: Living in Tran dynasty, Nguyen Phi Khanh, the father of the great poet - Nguyen Trai, was a great poet, a person of talent but poor status and uncertain fate, a man waiting patiently for opportunity and having faith in the sage but under going disillusion. Nguyen Phi Khanh suffered from the hurt of status and missing time. His tragic life was the product of the times.

Keywords: Nguyen Phi Khanh, Nguyen Trai, the person.